

Số: 155 /TB-NĐND

Lạng Sơn, ngày 05 tháng 3 năm 2026

## THÔNG BÁO MỜI CHÀO HÀNG

Căn cứ Quyết định số 84 /QĐ-NĐND ngày 24/02/2026 của Giám đốc Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá Gói cung cấp số 01: Thuê ngoài sửa chữa, Bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương -TKV.

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV kính mời các Quý công ty/đơn vị có đầy đủ tư cách pháp nhân, năng lực và kinh nghiệm tham gia chào hàng cạnh tranh rút gọn với các nội dung cụ thể như sau:

- Tên Bên mời nhà cung cấp: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV.
- Tên gói cung cấp: Gói cung cấp số 01: Thuê ngoài sửa chữa, Bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương -TKV
- Thời gian phát hành Bản yêu cầu báo giá: Từ thời điểm Bản yêu cầu báo giá được đăng tải trên Website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<https://vinacomin.vn>), Website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<http://dienluockv.vn>) đến trước 09 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 03 năm 2026.
- Địa điểm phát hành bản yêu cầu báo giá : Bản yêu cầu báo giá được phát hành miễn phí (đính kèm thông báo này) trên Website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (<https://vinacomin.vn>), Website của Tổng công ty Điện lực - TKV (<http://dienluockv.vn>).
- Địa điểm nhận Báo giá: Văn thư Công ty Nhiệt điện Na Dương , tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Thôn 4, Xã Na Dương- Lạng Sơn ).
- Thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp: 09 giờ 30 phút, ngày 18 tháng 3 năm 2026 .
- Báo giá sẽ được mở công khai vào 10 giờ 00 phút, ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại Văn phòng Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Thôn 4, Xã Na Dương- Lạng Sơn ).





Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV kính mời đại diện của các nhà cung cấp nộp Báo giá tới tham dự lễ mở hồ sơ tham dự gói cung cấp vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Trân trọng. 

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Đăng tải website vinacomin;
- Đăng tải website vinacomin;
- Tổ chuyên gia, TTĐ;
- Lưu VT, VH(3)

**Tài liệu đính kèm:**

- Bản yêu cầu báo giá.

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Việt Anh**





# YÊU CẦU BÁO GIÁ CHÀO HÀNG CẠNH TRANH RÚT GỌN

Tên gói cung cấp:

Gói cung cấp số 01: Thuê ngoài sửa chữa, Bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV

Phát hành ngày:

Theo thông báo mời nhà cung cấp

Ban hành kèm theo

Số 84 /QĐ-NĐND ngày 24 / 2 / 2026 của  
Giám đốc Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV

Quyết định:

Tổ chuyên gia lập Bản yêu  
cầu báo giá

Tổ trưởng



Nguyễn Đức Dương

Bên mời nhà cung cấp

Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV

Giám đốc



Phạm Đức Tuyên





## MỤC LỤC

### Mô tả tóm tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà cung cấp

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá báo giá

Chương III. Biểu mẫu

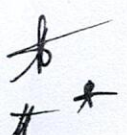
Chương IV. Yêu cầu đối với gói cung cấp

Chương V. Dự thảo hợp đồng

### TỪ NGỮ VIẾT TẮT

|                            |                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Bên mời nhà cung cấp       | Công ty nhiệt điện Na Dương- TKV                                                                                                                                                                                                                                 |
| Gói cung cấp               | Gói cung cấp số 01: Thuê ngoài sửa chữa, Bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương -TKV                                                                                                                                               |
| Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV | Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty điện lực - TKV về việc ban hành Quy định lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ bảo đảm tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty điện lực - TKV - CTCP (ĐLTKV) |
| BYCBG                      | Bản yêu cầu báo giá<br>chào hàng cạnh tranh rút gọn                                                                                                                                                                                                              |

34-0  
T.Y  
T.Y  
-TKV  
CỘNG  
TKV  
T.L.H





# Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

## Mục 1. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

1. Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp báo giá gói cung cấp này khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- a. Được đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
- b. Có báo cáo tài chính năm 2024 (BCTC điện tử nộp qua mạng, thuyết minh BCTC nộp qua mạng) và văn bản xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế năm 2024;
- c. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
- d. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.
- e. Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ PC và chữa cháy.

2. Nhà cung cấp là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện theo luật đấu thầu.

3. Nhà cung cấp là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ nhưng không giới hạn ở các điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nhà nước mà cá nhân đó là công dân.
- b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật (tùy thuộc từng hoạt động cung cấp dịch vụ Người có thẩm quyền yêu cầu cụ thể về điều kiện này).
- c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật.
- d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- e) Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Nhà cung cấp có tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 và Khoản 2 Mục này được tham dự nộp hồ sơ gói cung cấp với tư cách độc lập hoặc liên danh; trường hợp liên danh phải có văn bản thỏa thuận giữa các thành viên, trong đó quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh.

## Mục 2. Giá chào và giảm giá



1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói cung cấp (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của BYCBG.

2. Nhà cung cấp phải nộp Báo giá cho toàn bộ công việc và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời cung cấp” tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số 04 Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói cung cấp, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong BYCBG và không được người mua thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các gói cung cấp cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả gói cung cấp. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong BG hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời nhà cung cấp nhận được trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp. Thư giảm giá sẽ được bên mời nhà cung cấp bảo quản như một phần của BG và được mở đồng thời cùng BG của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng BG và không được ghi vào biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì BG của nhà cung cấp sẽ bị loại.

### **Mục 3. Thành phần của Báo giá**

Báo Giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III - Biểu mẫu;
2. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà cung cấp liên danh theo Mẫu số 03 - Biểu mẫu;
3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;
4. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 04 Chương III - Biểu mẫu;
5. Bản cam kết thực hiện gói cung cấp theo Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu;
6. Các nội dung khác yêu cầu trong BYCBG (nếu có).

### **Mục 4. Thời gian có hiệu lực của Báo giá**



1. Thời gian có hiệu lực của báo giá là 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp. Báo giá nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Báo giá, bên mời nhà cung cấp có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Báo giá đồng thời yêu cầu nhà cung cấp gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm tham dự gói cung cấp. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Báo giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà cung cấp được nhận lại bảo đảm tham dự gói cung cấp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Báo giá.

### **Mục 5. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Báo giá**

1. Nhà cung cấp chuẩn bị và nộp 01 Báo giá trực tiếp hoặc gửi Báo giá theo đường bưu điện cho bộ phận văn thư (thông qua Biên bản giao nhận, giấy giới thiệu, CCCD của người đến nộp) của bên mời nhà cung cấp nhưng phải đảm bảo bên mời nhà cung cấp nhận được trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp là 09 giờ 00 phút, ngày      tháng      năm 2026. Bộ phận văn thư có trách nhiệm bảo quản và bàn giao lại cho Tổ chuyên gia một lần tất cả các hồ sơ đã nhận (thông qua Biên bản bàn giao) ở thời điểm sau khi hết hạn nộp Báo giá và trước thời điểm mở Báo giá.

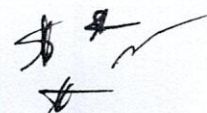
2. Bên mời nhà cung cấp sẽ tiếp nhận báo giá của tất cả nhà cung cấp nộp Báo giá trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp. Trường hợp nhà cung cấp nộp Báo giá sau thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp thì Báo giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Báo giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời nhà cung cấp trước thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp.

Trước thời điểm hết hạn nộp báo giá tham dự gói cung cấp, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế báo giá thì nhà cung cấp nộp báo giá thay thế hoặc Báo giá sửa đổi cho bên mời nhà cung cấp.

### **Mục 6. Mở hồ sơ tham dự gói cung cấp**

1. Bên mời nhà cung cấp tiến hành mở công khai Báo giá của các nhà cung cấp vào lúc 10 giờ 00 phút ngày      tháng      năm 2026 tại Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Văn phòng Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV, Thôn 4 Xã Na Dương- Lạng Sơn) trước sự chứng kiến của các nhà cung cấp tham dự lễ hồ sơ tham dự gói cung cấp. Việc mở hồ sơ tham dự gói cung cấp không phụ thuộc vào số lượng nhà cung cấp tham gia, sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà cung cấp tham dự.





2. Việc mở báo giá tham dự gói cung cấp được thực hiện đối với từng Báo giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản Báo giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: Tên nhà cung cấp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Báo giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời nhà cung cấp thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở hồ sơ tham dự gói cung cấp mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời nhà cung cấp phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm tham dự gói cung cấp, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói cung cấp. Bên mời nhà cung cấp không được loại bỏ bất kỳ Báo giá nào khi mở hồ sơ tham dự gói cung cấp, trừ các Báo giá nộp sau thời điểm đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp.

3. Bên mời nhà cung cấp phải lập biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời nhà cung cấp và các nhà cung cấp tham dự lễ mở hồ sơ tham dự gói cung cấp. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở hồ sơ tham dự gói cung cấp sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự gói cung cấp.

#### **Mục 7. Điều kiện xét duyệt nhà cung cấp được lựa chọn**

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có báo giá hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Báo giá;
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Báo giá;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng gói cung cấp không vượt dự toán gói cung cấp được phê duyệt.

#### **Mục 8. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp**

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên Website của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam(<https://vinacom.vn>), Website của ĐLTKV (<http://dienluctkv.vn>).



2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời nhà cung cấp sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

### **Mục 9. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Báo giá của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói cung cấp. Trường hợp cần thiết, người mua tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói cung cấp thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong BYCBG thì người mua sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà cung cấp. Khi đó, người mua sẽ huỷ quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Người mua phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói cung cấp theo đúng tiến độ.

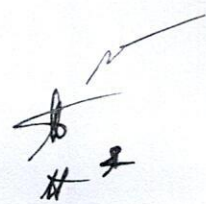
### **Mục 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp được lựa chọn phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 9 Chương V. Dự thảo hợp đồng ban hành kèm BYCBG này. Trường hợp nhà cung cấp sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 06 Chương V. Dự thảo hợp đồng hoặc một mẫu khác được người mua chấp thuận.

2. Nhà cung cấp không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

### **Mục 11. Giải quyết kiến nghị trong lựa chọn nhà cung cấp**





1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người mua: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4 Xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn, Điện thoại: 02053.844263);

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4 Xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn, Điện thoại: 02053.844263)

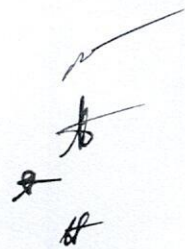
c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của bên mời nhà cung cấp: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4 Xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn, Điện thoại: 02053.844263)

## **Mục 12. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà cung cấp**

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp, nhà cung cấp có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau: Công ty nhiệt điện Na Dương - TKV (Địa chỉ: Thôn 4 Xã Na Dương, tỉnh Lạng Sơn, Điện thoại: 02053.844263).

## **Mục 13. Ưu đãi trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp:**

Trường hợp Báo giá của các nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) ngang nhau thì ưu tiên nhà cung cấp có trụ sở chính đóng trên địa bàn nơi mời nhà cung cấp.





## **Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ BÁO GIÁ**

### **Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Báo giá**

#### **1.1. Kiểm tra Báo giá**

Kiểm tra các thành phần của Báo giá theo yêu cầu tại Mục 3 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp.

#### **1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Báo giá**

Báo giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc Báo giá;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của BYCBG. Đối với nhà cung cấp liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong BYCBG;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho người mua, bên mời nhà cung cấp;
- đ) Thời gian có hiệu lực của Báo giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 4 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- e) Không có tên trong hai hoặc nhiều Báo giá với tư cách là nhà cung cấp chính (nhà cung cấp độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- g) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III - Biểu mẫu;
- h) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Báo giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.



## Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

Nhà cung cấp cam kết đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Gói cung cấp số 01: Thuê ngoài sửa chữa, Bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương -TKV trong đơn chào hàng;

| TT  | Mô tả                          | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nhà cung cấp độc lập      | Nhà cung cấp liên danh        |                                                                 |                                    | Ghi chú   |
|-----|--------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------|
|     |                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                           | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh                                       | Tối thiểu một thành viên liên danh |           |
| 1   | Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng | <p>-Có 01 hợp đồng đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn từ năm 2022 trở lại đây, tương tự cả về quy mô và tính chất với gói thầu đang xét theo yêu cầu sau:<br/>           + Tương tự về Quy mô được hiểu là: Giá trị hợp đồng <math>\geq 616.000.000</math> VND (Sáu trăm mười sáu triệu đồng chẵn).<br/>           + Tương tự về tính chất được hiểu là: hợp đồng cung cấp dịch vụ bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC cho nhà máy công nghiệp.</p> <p>Nhà cung cấp phải nộp hợp đồng (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) và kèm theo một trong các tài liệu (bản gốc hoặc bản sao có chứng thực) chứng minh hợp đồng đã hoàn thành hoặc hoàn thành phần lớn như sau: Hóa đơn, biên bản nghiệm thu, biên bản thanh lý hợp đồng.</p> | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Không áp dụng                      | Mẫu số 06 |
| 2   | NHÂN SỰ                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                           |                               |                                                                 |                                    |           |
| 2.1 | Đội trưởng                     | <p><b>Số lượng: 01 người</b><br/>           - Có trình độ trung cấp trở lên chuyên ngành PC&amp;CC hoặc trình độ trung cấp trở lên ngành khác phù hợp với lĩnh vực hoạt động PCCC và đã được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức về lĩnh vực PC&amp;CC;<br/>           - Có thể an toàn lao động và CCCD còn hiệu lực.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Không áp dụng                      | Mẫu số 07 |
| 2.2 | Công nhân kỹ thuật             | <p><b>Số lượng: 8 người</b><br/>           - <b>Trình độ:</b> Từ công nhân kỹ thuật trở lên<br/>           Kinh nghiệm: Tối thiểu 01 năm kinh nghiệm thực hiện bảo dưỡng thiết bị PCCC (nhà thầu kê khai theo mẫu số 07)<br/>           - Có thể an toàn lao động còn hiệu lực.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Không áp dụng                      | Mẫu số 07 |

## Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Handwritten signature and initials at the bottom right corner.



| ST<br>T   | Nội dung đánh giá                                   | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Sử dụng tiêu chí<br>đạt, không đạt |              | Ghi chú |
|-----------|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------|---------|
|           |                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đạt                                | Không<br>đạt |         |
| <b>I</b>  | <b>Giải pháp và phương pháp luận</b>                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                    |              |         |
| 1         | Yêu cầu                                             | Hàng hoá vật tư mới 100% nêu rõ nguồn gốc xuất xứ, hãng sản xuất, năm sản xuất từ năm 2024 trở về đây ( Mục 3 chương IV: yêu cầu gói thầu)<br>Nhà thầu chào đúng đủ khối lượng mời thầu                                                                                                                                                                                                                                                                                 | X                                  |              |         |
|           |                                                     | Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                    | X            |         |
| 2         | Giải pháp kỹ thuật và tổ chức bảo trì thiết bị PCCC | Nhà thầu có biện pháp và giải pháp ( do nhà thầu đề xuất)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | X                                  |              |         |
|           |                                                     | Nhà thầu không có biện pháp và giải pháp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                    | X            |         |
| 3         | Tài liệu kỹ thuật                                   | Cam kết cung cấp khi bàn giao hàng hóa:<br>- Cung cấp đầy đủ tài liệu kỹ thuật của hàng hóa theo đúng quy định hiện hành của nhà nước (đáp ứng quy định của Thông tư 17/2021/TT-BCA ngày 05/02/2021 của Bộ Công An quy định về quản lý, bảo dưỡng phương tiện PCCC và CHCN).<br>- Cung cấp CO và CQ (hoặc giấy chứng nhận chất lượng tương đương CQ) đối với hàng hóa nhập khẩu bản gốc ( hoặc bản chứng thực), giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hóa trong nước. | X                                  |              |         |
|           |                                                     | Không cam kết yêu cầu trên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                    | X            |         |
| <b>II</b> | <b>Thời gian thực hiện</b>                          | Nhà thầu có thời gian thực hiện gói thầu < = 60 ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | X                                  |              |         |
|           |                                                     | Nhà thầu có thời gian thực hiện gói thầu > 60 ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                    | X            |         |



| ST<br>T | Nội dung đánh giá | Mức độ đáp ứng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Sử dụng tiêu chí<br>đạt, không đạt |              | Ghi chú |
|---------|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------|---------|
|         |                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đạt                                | Không<br>đạt |         |
| III     | Yêu cầu dịch vụ   | Cam kết : xử lý khắc phục sự cố: thời gian đáp ứng 24/24 giờ trong thời gian thực hiện hợp đồng ( kể cả ngày lễ và ngày nghỉ). Khi đại diện của đơn vị bảo trì nhận được bất kỳ thông báo nào ( bằng điện thoại, Fax,...) liên quan đến sự cố của các HT PCCC từ đại diện của CĐT , đơn vị bảo trì phải cử ngay nhân viên kỹ thuật của mình có mặt trong vòng 08 giờ tại địa điểm thực hiện dịch vụ để giải quyết sự cố một cách nhanh chóng, đảm bảo không bị gián đoạn của hệ thống<br>Cam kết chịu trách nhiệm và đền bù mọi tổn thất (nếu có) nếu như trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng xảy ra do lỗi của nhà thầu | X                                  |              |         |
|         |                   | Không cam kết các nội dung trên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                    | X            |         |
| IV      | Thuế suất         | Thuế GTGT 10%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | X                                  |              |         |
|         |                   | Thuế GTGT khác 10%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                    | X            |         |
| V       | Kết luận          | Đạt tất cả nội dung của các mục ở tiêu chí đánh giá kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | X                                  |              |         |
|         |                   | Không đạt một trong các nội dung của các mục ở tiêu chí đánh giá kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                    | X            |         |





#### **Mục 4. Xác định giá chào**

Xác định giá chào theo phương pháp giá thấp nhất.

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có);

Bước 6: Xếp hạng nhà cung cấp. Báo có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất và không vượt giá trị dự toán gói cung cấp thì được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

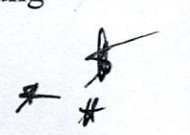
(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói cung cấp, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong BYCBG và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung





đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong BYCBG thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong BYCBG ;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời nhà cung cấp cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của gói cung cấp sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

## (2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong BG của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một gói cung cấp trong BG của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với gói cung cấp này trong số các BG của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong BG của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của gói cung cấp này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói cung cấp làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong BG của nhà cung cấp này; trường hợp BG của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói cung cấp được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.



### Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

#### ĐƠN CHÀO HÀNG<sup>(1)</sup>

Ngày: \_\_\_\_ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói cung cấp: \_\_\_\_ [*Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời nhà cung cấp*]

Sau khi nghiên cứu Bản yêu cầu báo giá và văn bản sửa đổi Bản yêu cầu báo giá số \_\_\_\_ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà cung cấp*], có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] cam kết thực hiện gói cung cấp \_\_\_\_ [*Ghi tên gói cung cấp*] theo đúng yêu cầu của Bản yêu cầu báo giá với tổng số tiền là \_\_\_\_ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]<sup>(2)</sup> cùng với biểu giá kèm theo.

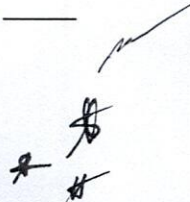
Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói cung cấp*]<sup>(3)</sup>.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một báo giá này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản;
3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham gia quá trình lựa chọn nhà cung cấp của ĐLTKV, đơn vị lựa chọn Nhà cung cấp.
4. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong lựa chọn nhà cung cấp.
5. Có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện Gói cung cấp số 01: Bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương - TKV.
6. Những thông tin kê khai trong báo giá là trung thực.

Nếu báo giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh rút gọn.

Báo giá này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày<sup>(4)</sup>, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(5)</sup>.

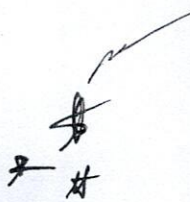




**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp<sup>(6)</sup>**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- (1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời nhà cung cấp, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của hồ sơ chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).
- (2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho người mua, bên mời nhà cung cấp.
- (3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 1 Chương IV - Yêu cầu đối với gói cung cấp.
- (4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của BYCBG
- (5) Ghi ngày đóng hồ sơ tham dự gói cung cấp theo quy định của BYCBG
- (6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà cung cấp là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà cung cấp độc lập. Nếu nhà cung cấp được lựa chọn, trước khi ký kết hợp đồng, nhà cung cấp phải trình người mua bản chụp được chứng thực các văn bản này.





**GIẤY ỦY QUYỀN<sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng gói cung cấp [Ghi tên gói cung cấp] do [Ghi tên bên mời nhà cung cấp] tổ chức:

*[- Ký đơn chào hàng;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời nhà cung cấp trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ báo giá;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;*

*- Ký kết hợp đồng với người mua nếu được lựa chọn.]<sup>(2)</sup>*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của [Ghi tên nhà cung cấp]. [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_<sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]*

**Người ủy quyền**

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

*[Handwritten signature and initials]*



(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời nhà cung cấp cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

970  
NG  
ỆT  
ON  
TÓN  
LƯC  
:TOL  
3-1

7  
#



THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Gói cung cấp: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói cung cấp \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp] phát hành ngày \_\_\_\_\_ [ghi ngày được ghi trên BYCBG];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh \_\_\_\_\_ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại, số fax \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia chào hàng gói cung cấp \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói cung cấp này là: \_\_\_\_\_ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

2/2



3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói cung cấp này. Trường hợp được lựa chọn, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho người mua theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

## Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói cung cấp \_\_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp] đối với từng thành viên như sau:

### 1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau <sup>(3)</sup>:

- [- Ký đơn chào hàng;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời nhà cung cấp trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ YCBGCHCTRG và văn bản giải trình, làm rõ BG;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

| STT | Tên                               | Nội dung công việc đảm nhận | Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào |
|-----|-----------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------|
| 1   | Tên thành viên đứng đầu liên danh | - ____<br>- ____            | - ____<br>- ____                                   |

*(Handwritten signatures and marks)*



|                  |                      |                                           |                  |
|------------------|----------------------|-------------------------------------------|------------------|
| 2                | Tên thành viên thứ 2 | - ____<br>- ____                          | - ____<br>- ____ |
| ....             | ....                 | ....                                      | .....            |
| <b>Tổng cộng</b> |                      | <b>Toàn bộ công việc của gói cung cấp</b> | <b>100%</b>      |

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
  - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
  - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
  - Nhà cung cấp liên danh không được lựa chọn;
  - Huỷ lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp \_\_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp] theo thông báo của bên mời nhà cung cấp.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói cung cấp, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

*(Handwritten signatures and marks)*



# BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Khi tham dự cung cấp, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có).

| STT      | Danh mục dịch vụ                                                                                                                                                                                                                                                            | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá | Thành tiền- |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------|---------|-------------|
| <b>A</b> | <b>Bảo dưỡng hệ thống phòng cháy chữa cháy</b>                                                                                                                                                                                                                              |             |            |         |             |
| 1,1      | Bảo dưỡng, sửa chữa tủ báo cháy trung tâm                                                                                                                                                                                                                                   |             |            |         |             |
| 1,2      | Bảo dưỡng tủ báo cháy khu vực và bảng hiển thị báo cháy                                                                                                                                                                                                                     | cái         | 1          |         |             |
| 1,3      | Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo và dùng dụng cụ thi công, thiết bị đo lường phục vụ vệ sinh, kiểm tra các đầu báo cháy tại các khu vực (03 khu vực); số lượng 2279 m2 (Khu vực văn phòng PXVH 936m2; Khu vực Gara để thiết bị di động 420m2; Khu vực đỉnh tầng tải 4A, 4B 923m2) | cái         | 04         |         |             |
| 1,4      | Bảo dưỡng, sửa chữa đầu báo nhiệt Hochiki (202 cái)                                                                                                                                                                                                                         | 100M2       | 22,79      |         |             |
| 1,5      | Bảo dưỡng, sửa chữa đầu báo khói Hochiki (212 cái)                                                                                                                                                                                                                          | cái         | 202        |         |             |
| 1,6      | Bảo dưỡng, sửa chữa nút ấn báo cháy Hochiki (57 cái)                                                                                                                                                                                                                        | cái         | 212        |         |             |
| 1,7      | Bảo dưỡng, sửa chữa Đèn chiếu sáng sự cố EMERGENCY LIGHT (30 cái); Đèn chỉ dẫn thoát nạn Exit (95 cái)                                                                                                                                                                      | cái         | 57         |         |             |
| <b>B</b> | <b>Hệ thống chữa cháy</b>                                                                                                                                                                                                                                                   | cái         | 125        |         |             |
| 2,1      | Bảo dưỡng, sửa chữa bơm chữa cháy chạy loại động cơ điện seri 601781, công suất 200HP, (bơm chính);                                                                                                                                                                         |             |            |         |             |
| 2,2      | Bảo dưỡng, sửa chữa bơm bù áp lực JOKEY PUM Model: 6LP, công suất 15HP;                                                                                                                                                                                                     | cái         | 1          |         |             |
| 2,3      | Bảo dưỡng, sửa chữa bơm chữa cháy loại động cơ Diesel 14MCF-4STG (seri 601780), công suất 210HP;                                                                                                                                                                            | cái         | 1          |         |             |
| 2,4      | Bảo dưỡng, sửa chữa bơm nước rửa đường ống 13MPT8196, công suất 30HP;                                                                                                                                                                                                       | cái         | 1          |         |             |
| 2,5      | Bảo dưỡng, sửa chữa Hệ thống tủ điều khiển bơm chữa cháy;                                                                                                                                                                                                                   | cái         | 1          |         |             |
| 2,6      | Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống chữa cháy bằng nước;                                                                                                                                                                                                                           | Tủ          | 4          |         |             |
| 2,7      | Bảo dưỡng, sửa chữa Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước                                                                                                                                                                                                                    | Hệ thống    | 1          |         |             |
| 2.7.1    | Bảo dưỡng, sửa chữa van tràn/hệ thống chữa cháy tự động bằng nước sử dụng van tràn viking duge-1                                                                                                                                                                            |             |            |         |             |
| 2.7.2    | Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống chữa cháy tự động bằng nước sử dụng van báo cháy viking e-1 sử dụng đầu phun spinkler su72                                                                                                                                                     | Cụm         | 9          |         |             |
| 2,8      | Bảo dưỡng, sửa chữa Hệ thống chữa cháy bằng bột Foam (Model: YPPT – N200 ~ N400);                                                                                                                                                                                           | Cụm         | 8          |         |             |
|          |                                                                                                                                                                                                                                                                             | hệ thống    | 1          |         |             |

*[Handwritten signature]*



|                                                                                                          |                                                                                       |          |     |  |  |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|--|--|
| 2,9                                                                                                      | Bảo dưỡng, sửa chữa Hệ thống chữa cháy tự động bằng Bột khô (Bột ABC) Model: YD-N350; | hệ thống | 1   |  |  |
| <b>C</b>                                                                                                 | <b>Vật tư mua mới</b>                                                                 |          |     |  |  |
| 1                                                                                                        | Đầu báo nhiệt Hochiki DCD-1E (hoặc tương đương)                                       |          |     |  |  |
| 2                                                                                                        | Đầu báo nhiệt Hochiki FFH-1E (hoặc tương đương)                                       | Cái      | 10  |  |  |
| 3                                                                                                        | Đầu báo cháy khói quang điện Hochiki SLR-E(J) Hoặc tương đương                        | Cái      | 10  |  |  |
| 4                                                                                                        | Hộp báo cháy Hochiki KSP-10HSDZ hoặc tương đương                                      | Cái      | 24  |  |  |
| 5                                                                                                        | Đèn chiếu sáng sự cố (EMERGEN CY LIGHT)                                               | Cái      | 6   |  |  |
| 6                                                                                                        | Đèn chỉ dẫn thoát nạn EXIT                                                            | Cái      | 5   |  |  |
| 7                                                                                                        | Dầu preslia 32                                                                        | Cái      | 20  |  |  |
| 8                                                                                                        | Tết chèn D10x10                                                                       | Lít      | 20  |  |  |
| 9                                                                                                        | Tết chèn Graphite lõi thép 10x10mm                                                    | Mét      | 0,5 |  |  |
| 10                                                                                                       | Vòng bi động cơ bơm bù 6210-2Z                                                        | m        | 1   |  |  |
| 11                                                                                                       | Vòng bi động cơ bơm bù 7310 BEP                                                       | Cái      | 1   |  |  |
| 12                                                                                                       | Dầu COMINLUB-15W/40 CI4                                                               | Cái      | 1   |  |  |
| 13                                                                                                       | Dầu SP220                                                                             | Lít      | 35  |  |  |
| 14                                                                                                       | Ắc quy nước Đồng Nai 200Ah                                                            | Lít      | 25  |  |  |
| 15                                                                                                       | Ắc quy khô Globe 12V 20Ah (Bình ắc quy Globe WP20)                                    | Cái      | 2   |  |  |
|                                                                                                          |                                                                                       | Cái      | 4   |  |  |
| <b>Tổng cộng giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí</b><br>(kết chuyển sang đơn dự thầu, trang số ...) |                                                                                       |          |     |  |  |

Ghi chú:

Các cột (5), (6): do nhà thầu chào.

Đơn giá tại cột (5) bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ theo yêu cầu của bên mời NCC, trong đó bao gồm các chi phí thuế, phí, lệ phí (nếu có). Khi tham dự gói cung cấp, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ



## **Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

- Giá gói cung cấp được phê duyệt đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10%. Để đảm bảo công bằng cho tất cả các nhà cung cấp trong quá trình đánh giá về tài chính đối với các Báo giá, đề nghị các nhà cung cấp chào giá đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10% và công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào.
- Trường hợp nhà cung cấp không công bố giá chào đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10% hoặc không công bố rõ mức thuế suất thuế GTGT trong giá chào thì được hiểu là giá chào của nhà cung cấp đã bao gồm thuế GTGT với mức thuế suất là 10%.
- Trường hợp nhà cung cấp báo giá và công bố mức thuế suất thuế GTGT khác 10% thì khi đánh giá về tài chính đối với Báo giá của nhà cung cấp đó, bên mời cung cấp sẽ hiệu chỉnh thuế GTGT trong giá chào của nhà cung cấp về mức thuế suất 10%.

*[Handwritten marks]*



## BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI CUNG CẤP

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói cung cấp: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp theo thông báo mời chào hàng]

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời nhà cung cấp]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn số \_\_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] do \_\_\_\_\_ [Ghi tên bên mời nhà cung cấp] phát hành, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại \_\_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết:

- Cam kết thực hiện gói cung cấp \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói cung cấp] theo đúng nội dung yêu cầu nêu trong Bản yêu cầu báo giá chào hàng cạnh tranh rút gọn được duyệt.

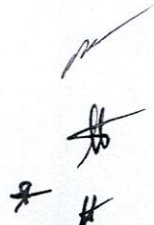
Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng  
dấu]

Ghi chú:

Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên trong liên danh phải cam kết theo mẫu này.



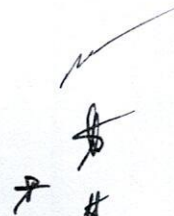


**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ**

| <b>Hợp đồng tương tự</b>                                                                                                                            |                                                                         |                                          |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|
| Hợp đồng số __ ngày __<br>tháng __ năm __                                                                                                           | Thông tin hợp đồng:                                                     |                                          |
| Ngày trao hợp đồng:                                                                                                                                 | ngày __ tháng __ năm __                                                 | Ngày hoàn thành: ngày __ tháng __ năm __ |
| Tổng giá hợp đồng                                                                                                                                   | _____ VND                                                               |                                          |
| Nếu là thành viên trong liên danh hoặc nhà thầu phụ, nêu rõ khoản tiền thành viên đó tham gia trong tổng giá hợp đồng                               | Tỷ lệ trên tổng giá hợp đồng                                            | Số tiền: _____ VND                       |
| Tên Chủ đầu tư<br>Địa chỉ<br>Điện thoại/Số Fax<br>E-mail                                                                                            |                                                                         |                                          |
| Mô tả đặc điểm tương tự theo tiêu chí Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Báo giá |                                                                         |                                          |
| Mô tả yêu cầu về tính chất tương tự (cung cấp dịch vụ bảo vệ cho nhà máy công nghiệp)                                                               | Đặc điểm tương tự của hợp đồng mà nhà thầu đã hoàn thành <sup>(2)</sup> |                                          |

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

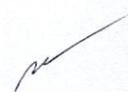




**BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT<sup>(1)</sup>**

|     |                                                                                |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i> |
|     | Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>                                         |
| 2.  | Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i> |
|     | Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>                                         |
| ... | Vị trí công việc                                                               |
|     | Tên                                                                            |

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ




## Chương IV. YÊU CẦU CỦA GÓI THẦU

### Mục 1. Phạm vi cung cấp

**Bảng số 01. Phạm vi cung cấp dịch vụ**

| STT | Danh mục dịch vụ                                                          | Đơn vị | Khối lượng | Mô tả dịch vụ                                                      | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|--------|------------|--------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | Bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương -TKV | Lần    | 01         | Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 |         |

### Mục 2. Tiến độ cung cấp.

**Bảng số 02. Tiến độ cung cấp**

| STT | Danh mục hàng hóa                                                         | Đơn vị | Số lượng | Tiến độ cung cấp                                                                 |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|--------|----------|----------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương -TKV | Lần    | 01       | Toàn bộ dịch vụ được hoàn thành trong 60 ngày, bao gồm cả các ngày nghỉ, lễ, tết |

### Mục 3. Yêu cầu về dịch vụ

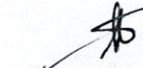
Thông tư 17/2021/TT-BCA ngày 05/2/2021 của Bộ Công An quy định về quản lý, bảo quản phương tiện về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, phạm vi như sau:

#### 1. Mô tả chi tiết công việc

| STT | Tên công việc/ thành phần hao phí                     | ĐVT | Khối lượng tổng hợp |
|-----|-------------------------------------------------------|-----|---------------------|
| A   | Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống phòng cháy chữa cháy     |     |                     |
| 1,1 | Bảo dưỡng, sửa chữa tủ báo cháy trung tâm             | cái | 01                  |
|     | - Công tác chuẩn bị.                                  |     |                     |
|     | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật                        |     |                     |
|     | - Kiểm tra, xác định tình trạng làm việc của hệ thống |     |                     |
|     | - Kiểm tra, bắt xiết đầu cốt, hàng kẹp, cáp tín hiệu; |     |                     |



|            |                                                                                                                                                                                                                                                                         |            |           |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|
|            | - Sau khi vệ sinh, Bảo dưỡng, sửa chữa thực hiện lắp lại thiết bị đưa vào làm việc;                                                                                                                                                                                     |            |           |
|            | - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao, chạy thử thiết bị                                                                                                                                                                                         |            |           |
| <b>1.2</b> | <b>Bảo dưỡng tủ báo cháy khu vực và bảng hiển thị báo cháy</b>                                                                                                                                                                                                          | <b>cái</b> | <b>01</b> |
|            | - Công tác chuẩn bị ;                                                                                                                                                                                                                                                   |            |           |
|            | - Nghiên cứu tài liệu kĩ thuật                                                                                                                                                                                                                                          |            |           |
|            | - Tháo các hộp điều khiển tại chỗ về để vệ sinh, Bảo dưỡng, sửa chữa;                                                                                                                                                                                                   |            |           |
|            | - Kiểm tra cách điện của các dây tín hiệu nối đến tủ;                                                                                                                                                                                                                   |            |           |
|            | - Kiểm tra tín hiệu tại các đầu dây nối đến tủ;                                                                                                                                                                                                                         |            |           |
|            | - Bắt siết các đầu cốt nối dây                                                                                                                                                                                                                                          |            |           |
|            | - Vệ sinh các thiết bị trong tủ                                                                                                                                                                                                                                         |            |           |
|            | - Nghiệm thu bàn giao, chạy thử thiết bị                                                                                                                                                                                                                                |            |           |
| <b>1.3</b> | Lắp dựng, tháo dỡ dàn giáo và dùng dụng cụ thi công, thiết bị đo lường phục vụ vệ sinh, kiểm tra các đầu báo cháy tại các khu vực (03 khu vực); số lượng 2279 m2 (Khu vực văn phòng PXVH 936m2; Khu vực Gara để thiết bị di động 420m2; Khu vực đỉnh tầng 4A, 4B 923m2) | 100m2      | 22,79     |
| <b>1.4</b> | Bảo dưỡng, sửa chữa đầu báo nhiệt Hochiki                                                                                                                                                                                                                               | cái        | 202       |
|            | - Công tác chuẩn bị.                                                                                                                                                                                                                                                    |            |           |
|            | - Nghiên cứu tài liệu kĩ thuật                                                                                                                                                                                                                                          |            |           |
|            | - Lĩnh vật tư và chuẩn bị dụng cụ cho việc Bảo dưỡng, sửa chữa;                                                                                                                                                                                                         |            |           |
|            | - Tháo các đầu báo nhiệt về để vệ sinh, Bảo dưỡng, sửa chữa;                                                                                                                                                                                                            |            |           |
|            | - Kiểm tra, thay các đầu báo nhiệt không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;                                                                                                                                                                                                      |            |           |
|            | - Lắp trả thiết bị và Test các tính năng hoạt động của đầu báo nhiệt;                                                                                                                                                                                                   |            |           |
|            | - Kiểm tra liên động của đầu báo nhiệt với các thiết bị khác;                                                                                                                                                                                                           |            |           |

  
H 7



|     |                                                                                                               |     |     |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-----|
|     | - Nghiệm thu bàn giao, chạy thử thiết bị                                                                      |     |     |
| 1.5 | Bảo dưỡng, sửa chữa đầu báo khói Hochiki                                                                      | Cái | 212 |
|     | - Công tác chuẩn bị.                                                                                          |     |     |
|     | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật                                                                                |     |     |
|     | - Tháo các đầu báo khói về để vệ sinh, Bảo dưỡng, sửa chữa;                                                   |     |     |
|     | - Kiểm tra, thay các đầu báo nhiệt không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;                                            |     |     |
|     | - Lắp trả thiết bị và Test các tính năng hoạt động của đầu báo khói;                                          |     |     |
|     | - Kiểm tra liên động của đầu báo khói với các thiết bị khác;                                                  |     |     |
|     | - Nghiệm thu bàn giao, chạy thử thiết bị                                                                      |     |     |
| 1.6 | Bảo dưỡng, sửa chữa nút ấn báo cháy Hochiki                                                                   | cái | 57  |
|     | - Công tác chuẩn bị                                                                                           |     |     |
|     | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật.                                                                               |     |     |
|     | - Tháo các nút ấn báo cháy về để vệ sinh, bảo dưỡng; thay thế nút ấn báo cháy không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật  |     |     |
|     | - Kiểm tra tín hiệu tại các đầu dây nối đến nút ấn;                                                           |     |     |
|     | - Test chức năng làm việc của nút ấn;                                                                         |     |     |
|     | - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao.                                                 |     |     |
| 1.7 | <b>Bảo dưỡng, sửa chữa Đèn chiếu sáng sự cố EMERGENCY LIGHT (30 cái); Đèn chỉ dẫn thoát nạn Exit (95 cái)</b> | cái | 125 |
|     | - Công tác chuẩn bị                                                                                           |     |     |
|     | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật.                                                                               |     |     |
|     | - Tháo đèn chiếu sáng sự cố và đèn chỉ dẫn thoát nạn để vệ sinh, kiểm tra bảo dưỡng;                          |     |     |
|     | - Thay thế các đèn không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật                                                             |     |     |

10A  
C  
NH  
A DU  
HÀNH  
IÊN  
C  
TNG



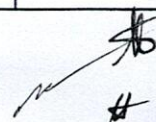


|            |                                                                                                     |     |    |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|
|            | - Test chức năng làm việc của đèn                                                                   |     |    |
|            | - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao.                                       |     |    |
| <b>B</b>   | <b>Hệ thống chữa cháy</b>                                                                           |     |    |
| <b>2.1</b> | Bảo dưỡng, sửa chữa bơm chữa cháy chạy loại động cơ điện seri 601781, công suất 200HP, (bơm chính); | cái | 01 |
|            | - Công tác chuẩn bị                                                                                 |     |    |
|            | - Xác định tình trạng động cơ trước khi bảo dưỡng                                                   |     |    |
|            | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật                                                                      |     |    |
|            | - Tháo cáp, tiếp địa, các thiết bị phụ kiện khác                                                    |     |    |
|            | - Đưa động cơ ra vị trí sửa chữa                                                                    |     |    |
|            | - Mở nắp Rút rotor                                                                                  |     |    |
|            | - Kiểm tra vệ sinh rotor                                                                            |     |    |
|            | - Kiểm tra vệ sinh sửa chữa gia cố Cách điện stator                                                 |     |    |
|            | - Tẩm sấy cuộn dây startor                                                                          |     |    |
|            | - Kiểm tra vệ sinh Bỏ sung mỡ các vòng bi                                                           |     |    |
|            | - Đưa rotor vào stator                                                                              |     |    |
|            | - Lắp ráp hoàn chỉnh động cơ                                                                        |     |    |
|            | - Vệ sinh Sơn lại vỏ động cơ                                                                        |     |    |
|            | - Đưa động cơ tới vị trí Công tác                                                                   |     |    |
|            | - Lắp đặt hoàn chỉnh động cơ                                                                        |     |    |
|            | - Lắp cáp, tiếp địa, các phụ kiện khác                                                              |     |    |
|            | - Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công tác sửa chữa bảo dưỡng bơm                            |     |    |
|            | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật                                                                      |     |    |
|            | - Kiểm tra các thông số vận hành trước khi tháo bơm.                                                |     |    |

*Handwritten signature and initials*



|            |                                                                               |     |    |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----|----|
|            | - Tháo các đường ống và thiết bị liên quan.                                   |     |    |
|            | - Nghiệm thu, lắp lại các chi tiết, bộ phận của bơm.                          |     |    |
|            | - Lắp bơm vào vị trí và lắp lại các đường ống, thiết bị liên quan.            |     |    |
|            | - Cân tâm, chạy thử nghiệm và đo đặc ghi nhận các thông số hoạt động của bơm. |     |    |
|            | - Thu dọn hiện trường thi công                                                |     |    |
|            | - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao.                 |     |    |
| <b>2.2</b> | Bảo dưỡng, sửa chữa bơm bù áp lực JOKEY PUM Model: 6LP, công suất 15HP;       | cái | 01 |
|            | - Công tác chuẩn bị                                                           |     |    |
|            | - Xác định tình trạng động cơ trước khi bảo dưỡng                             |     |    |
|            | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật                                                |     |    |
|            | - Tháo cáp, tiếp địa, các thiết bị phụ kiện khác                              |     |    |
|            | - Đưa động cơ ra vị trí sửa chữa                                              |     |    |
|            | - Mở nắp Rút rotor                                                            |     |    |
|            | - Kiểm tra vệ sinh rotor                                                      |     |    |
|            | - Kiểm tra vệ sinh sửa chữa gia cố Cách điện stator                           |     |    |
|            | - Tẩm sấy cuộn dây startor                                                    |     |    |
|            | - Kiểm tra vệ sinh Bỏ sung mỡ các vòng bi                                     |     |    |
|            | - Đưa rotor vào stator                                                        |     |    |
|            | - Lắp ráp hoàn chỉnh động cơ                                                  |     |    |
|            | - Đưa động cơ tới vị trí Công tác                                             |     |    |
|            | - Lắp đặt hoàn chỉnh động cơ                                                  |     |    |
|            | - Lắp cáp, tiếp địa, các phụ kiện khác                                        |     |    |
|            | - Chạy thử động cơ                                                            |     |    |

  
 # 7



|     |                                                                                                         |     |    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|
|     | - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao.                                           |     |    |
| 2.3 | <b>Bảo dưỡng, sửa chữa bơm chữa cháy loại động cơ Diesel 14MCF-4STG (seri 601780), công suất 210HP;</b> | Cái | 01 |
|     | - Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công tác sửa chữa.                                             |     |    |
|     | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật                                                                          |     |    |
|     | - Kiểm tra các thông số vận hành trước khi tháo bơm.                                                    |     |    |
|     | - Tháo các đường ống và thiết bị liên quan.                                                             |     |    |
|     | - Khắc phục các khiếm khuyết, thay thế các chi tiết bị hỏng hoặc mòn quá mức cho phép                   |     |    |
|     | - Nghiệm thu, lắp lại các chi tiết, bộ phận của bơm.                                                    |     |    |
|     | - Lắp bơm vào vị trí và lắp lại các đường ống, thiết bị liên quan.                                      |     |    |
|     | - Cân tâm, chạy thử nghiệm và đo đặc ghi nhận các thông số hoạt động của bơm.                           |     |    |
|     | - Thu dọn hiện trường thi công                                                                          |     |    |
|     | - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao.                                           |     |    |
|     | - Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công tác sửa chữa.                                             |     |    |
|     | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật                                                                          |     |    |
|     | - Kiểm tra các thông số vận hành trước khi tháo bơm.                                                    |     |    |
|     | - Tháo các đường ống và thiết bị liên quan.                                                             |     |    |
|     | - Khắc phục các khiếm khuyết, thay thế các chi tiết bị hỏng hoặc mòn quá mức cho phép                   |     |    |
|     | - Nghiệm thu, lắp lại các chi tiết, bộ phận của bơm.                                                    |     |    |
|     | - Lắp bơm vào vị trí và lắp lại các đường ống, thiết bị liên quan.                                      |     |    |
|     | - Cân tâm, chạy thử nghiệm và đo đặc ghi nhận các thông số hoạt động của bơm.                           |     |    |
|     | - Thu dọn hiện trường thi công                                                                          |     |    |

*[Handwritten signature and initials]*



|     |                                                                                                                       |     |    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|----|
|     | Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao.                                                           |     |    |
| 2.4 | Bảo dưỡng, sửa chữa bơm nước rửa đường ống 13MPT8196, công suất 30HP;                                                 | Cái | 01 |
|     | - Chuẩn bị dụng cụ, thiết bị phục vụ cho công tác sửa chữa.                                                           |     |    |
|     | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật                                                                                        |     |    |
|     | - Kiểm tra các thông số vận hành trước khi tháo bơm.                                                                  |     |    |
|     | - Tháo các đường ống và thiết bị liên quan.                                                                           |     |    |
|     | - Tháo bơm chuyển tới vị trí sửa chữa.                                                                                |     |    |
|     | - Tháo toàn bộ bơm, vệ sinh, kiểm tra tình trạng các chi tiết, đo đặc ghi chép các thông số.                          |     |    |
|     | - Khắc phục các khiếm khuyết, thay thế các chi tiết bị hỏng hoặc mòn quá mức cho phép                                 |     |    |
|     | - Nghiệm thu, lắp lại các chi tiết, bộ phận của bơm.                                                                  |     |    |
|     | - Lắp bơm vào vị trí và lắp lại các đường ống, thiết bị liên quan.                                                    |     |    |
|     | - Cân tâm, chạy thử nghiệm và đo đặc ghi nhận các thông số hoạt động của bơm.                                         |     |    |
|     | - Thu dọn hiện trường thi công                                                                                        |     |    |
|     | - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao.                                                         |     |    |
| 2.5 | Bảo dưỡng, sửa chữa Hệ thống tủ điều khiển bơm chữa cháy;                                                             | tủ  | 04 |
|     | - Công tác chuẩn bị.                                                                                                  |     |    |
|     | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật                                                                                        |     |    |
|     | - Vệ sinh, Bảo dưỡng, sửa chữa tủ điều khiển                                                                          |     |    |
|     | - Kiểm tra, Bảo dưỡng, sửa chữa các công tắc tơ, rơ le trung gian, rơ le thời gian, đèn báo, nút bấm, át cấp nguồn... |     |    |
|     | - Kiểm tra cách điện các hàng kẹp, dây cáp tín hiệu, tiếp địa tủ                                                      |     |    |
|     | - Kiểm tra đặc tính làm việc của các thiết bị trong tủ điều khiển                                                     |     |    |

*[Handwritten signature and initials]*

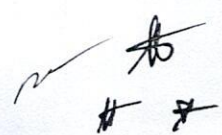


|              |                                                                                                                                                                            |          |    |
|--------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----|
|              | - Kiểm tra các chức năng điều khiển, bảo vệ, trạng thái đèn tín hiệu của tủ điều khiển                                                                                     |          |    |
|              | - Kiểm tra, xác nhận các thiết bị làm việc tốt                                                                                                                             |          |    |
|              | - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao, chạy thử thiết bị                                                                                            |          |    |
| <b>2.6</b>   | Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống chữa cháy bằng nước;                                                                                                                          | hệ thống | 01 |
|              | - Chuẩn bị dụng cụ, vật tư.                                                                                                                                                |          |    |
|              | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật                                                                                                                                             |          |    |
|              | - Tháo rời và vệ sinh sạch các chi tiết.                                                                                                                                   |          |    |
|              | - Kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng, đường ống và các thiết bị liên quan (Sơn epoxy màu đỏ 02 lớp tại các vị trí đường ống, thiết bị bạc màu, diện tích 1200 m <sup>2</sup> ). |          |    |
|              | - sửa chữa, bảo dưỡng trụ nước chữa cháy ngoài trời (15 Cái)                                                                                                               |          |    |
|              | -sửa chữa bảo dưỡng họng nước chữa cháy vách tường D50 (52 Cái)                                                                                                            |          |    |
|              | - Thu dọn mặt bằng, nghiệm thu thiết bị.                                                                                                                                   |          |    |
|              | - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao                                                                                                               |          |    |
| <b>2.7</b>   | Bảo dưỡng, sửa chữa Hệ thống chữa cháy tự động bằng nước                                                                                                                   |          |    |
| <b>2.7.1</b> | Bảo dưỡng, sửa chữa van tràn/hệ thống chữa cháy tự động bằng nước sử dụng van tràn viking duge-1                                                                           | cụm      | 9  |
|              | Nhân công                                                                                                                                                                  |          |    |
|              | - Chuẩn bị mặt bằng, vật tư, thiết bị và dụng cụ thi công                                                                                                                  |          |    |
|              | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật.                                                                                                                                            |          |    |
|              | - Vệ sinh khu vực làm việc và thiết bị                                                                                                                                     |          |    |
|              | - Chuẩn bị dụng cụ, vật tư                                                                                                                                                 |          |    |
|              | - Giải thể van                                                                                                                                                             |          |    |
|              | - bảo dưỡng Rơ le nhiệt độ Omron E5L (00500) tủ điều khiển chữa cháy                                                                                                       |          |    |

*[Handwritten signature and initials]*

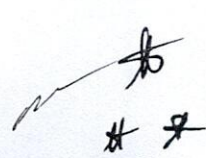


|       |                                                                                                                         |          |    |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----|
|       | - bảo dưỡng Rơ le tác động Omron 24V DC tủ điều khiển chữa cháy                                                         |          |    |
|       | - bảo dưỡng Rơ le tác động Omron 220V AC                                                                                |          |    |
|       | - bảo dưỡng Mainboard trung gian YHC 10X01B tủ điều khiển chữa cháy                                                     |          |    |
|       | - bảo dưỡng Máy biến áp NYS21150 220V/110V, 50Hz, 150VA tủ điều khiển chữa cháy                                         |          |    |
|       | - Vệ sinh, kiểm tra màng van tràn, thử tác động của van điện từ, công tắc áp suất.                                      |          |    |
|       | - Vệ sinh, thông tắc đường ống cụm van, các van tay                                                                     |          |    |
|       | - Kiểm tra, phun thử thông tắc các đầu phun nước hồ tạo màng ngăn cháy                                                  |          |    |
|       | - Thu dọn, vệ sinh hiện trường thi công.                                                                                |          |    |
|       | - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao                                                            |          |    |
| 2.7.2 | Bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống chữa cháy tự động bằng nước sử dụng van báo cháy viking e-1 sử dụng đầu phun spinkler su72 | cụm      | 8  |
|       | - Chuẩn bị mặt bằng, vật tư, thiết bị và dụng cụ thi công                                                               |          |    |
|       | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật.                                                                                         |          |    |
|       | - Vệ sinh khu vực làm việc và thiết bị                                                                                  |          |    |
|       | - Chuẩn bị dụng cụ, vật tư                                                                                              |          |    |
|       | - Vệ sinh, kiểm tra Van tràn, thử tác động của van điện từ, công tắc áp suất.                                           |          |    |
|       | - Vệ sinh van cổng                                                                                                      |          |    |
|       | - Thu dọn, vệ sinh hiện trường thi công.                                                                                |          |    |
|       | - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao                                                            |          |    |
| 2.8   | Bảo dưỡng, sửa chữa Hệ thống chữa cháy bằng bột Foam (Model: YPPT – N200 ~ N400);                                       | hệ thống | 01 |
|       | - Công tác chuẩn bị.                                                                                                    |          |    |
|       | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật                                                                                          |          |    |





|     |                                                                                                                       |          |    |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|----|
|     | - Vệ sinh, bảo dưỡng bộ trộn bột, bảo dưỡng hệ thống van và thay thế bột Foam;                                        |          |    |
|     | - Vệ sinh, kiểm tra, sơn epoxy các bình chứa bột (20m <sup>2</sup> )                                                  |          |    |
|     | - Khắc phục các khiếm khuyết (nếu có) trên thiết bị;                                                                  |          |    |
|     | - Sau khi vệ sinh, bảo dưỡng và sửa chữa thực hiện lắp lại thiết bị đưa vào làm việc;                                 |          |    |
|     | - Kiểm tra, xác nhận thiết bị làm việc tốt                                                                            |          |    |
|     | - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao                                                          |          |    |
|     | - Công tác chuẩn bị.                                                                                                  |          |    |
| 2.9 | Bảo dưỡng, sửa chữa Hệ thống chữa cháy tự động bằng Bột khô (Bột ABC) Model: YD-N350;                                 | hệ thống | 01 |
|     | - Công tác chuẩn bị.                                                                                                  |          |    |
|     | - Nghiên cứu tài liệu kỹ thuật                                                                                        |          |    |
|     | - Vệ sinh, Bảo dưỡng, sửa chữa tủ điều khiển                                                                          |          |    |
|     | - Kiểm tra, Bảo dưỡng, sửa chữa các công tắc tơ, rơ le trung gian, rơ le thời gian, đèn báo, nút bấm, át cấp nguồn... |          |    |
|     | - Kiểm tra cách điện các hàng kẹp, dây cáp tín hiệu, tiếp địa tủ                                                      |          |    |
|     | - Kiểm tra đặc tính làm việc của các thiết bị trong tủ điều khiển                                                     |          |    |
|     | - Kiểm tra các chức năng điều khiển, bảo vệ, trạng thái đèn tín hiệu của tủ điều khiển                                |          |    |
|     | - Vệ sinh bề mặt ngoài toàn bộ hệ thống cung cấp bột khô; thay thế bột khô                                            |          |    |
|     | - Vệ sinh kiểm tra các cụm van tác động                                                                               |          |    |
|     | - Kiểm tra, xác nhận các thiết bị làm việc tốt                                                                        |          |    |
|     | - Xác lập số liệu, đối chiếu tiêu chuẩn, nghiệm thu bàn giao, chạy thử thiết bị                                       |          |    |





## 2. Cung cấp vật tư

| Stt | Tên công việc/ thành phần hao phí                              | Mã sản phẩm (nếu có) | Hãng nước/ Sản xuất | ĐVT | Khối lượng lập | Đơn giá | Thành tiền |
|-----|----------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------|-----|----------------|---------|------------|
| 1   | Đầu báo nhiệt Hochiki DCD-1E (hoặc tương đương)                |                      |                     | Cái | 10             |         |            |
| 2   | Đầu báo nhiệt Hochiki FFH-1E (hoặc tương đương)                |                      |                     | Cái | 10             |         |            |
| 3   | Đầu báo cháy khói quang điện Hochiki SLR-E(J) Hoặc tương đương |                      |                     | Cái | 24             |         |            |
| 4   | Hộp báo cháy Hochiki KSP-10HSDZ hoặc tương đương               |                      |                     | Cái | 6              |         |            |
| 5   | Đèn chiếu sáng sự cố (EMERGENCY LIGHT)                         |                      |                     | Cái | 5              |         |            |
| 6   | Đèn chỉ dẫn thoát nạn EXIT                                     |                      |                     | Cái | 20             |         |            |
| 7   | Dầu preslia 32                                                 |                      |                     | Lít | 20             |         |            |
| 8   | Tết chèn D10x10                                                |                      |                     | Mét | 0,5            |         |            |
| 9   | Tết chèn Graphite lõi thép 10x10mm                             |                      |                     | m   | 1              |         |            |
| 10  | Vòng bi động cơ bơm bù 6210-2Z                                 |                      |                     | Cái | 1              |         |            |
| 11  | Vòng bi động cơ bơm bù 7310 BEP                                |                      |                     | Cái | 1              |         |            |
| 12  | Dầu COMINLUB-15W/40 CI4                                        |                      |                     | Lít | 35             |         |            |
| 13  | Dầu SP220                                                      |                      |                     | Lít | 25             |         |            |
| 14  | Ắc quy nước Đồng Nai 200Ah                                     |                      |                     | Cái | 2              |         |            |
| 15  | Ắc quy khô Globe 12V 20Ah (Bình ắc quy Globe WP20)             |                      |                     | Cái | 4              |         |            |
|     | Tổng cộng                                                      |                      |                     |     |                |         |            |

*Handwritten signature and initials*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG**

**Số: /2026/HĐSXKD-ND**

**Gói cung cấp số 01: Thuê ngoài sửa chữa, Bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương -TKV**

Căn cứ:

Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015

Quyết định số 3039 /QĐ-NĐND của Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV ngày 26 tháng 12 năm 2025 về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp Hạng mục: Thuê ngoài sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 cho Công ty Nhiệt điện Na Dương – TKV;

Quyết định số /QĐ-NĐND của Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV ngày tháng năm 2025 về việc phê duyệt Bản yêu cầu báo giá Gói cung cấp số 01: Thuê ngoài sửa chữa, Bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương -TKV;

Biên bản thương thảo hợp đồng ngày / /2026;

Quyết định số /QĐ-NĐND ngày / /2026 của Công ty Nhiệt điện Na Dương– TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp Gói cung cấp số 01: Thuê ngoài sửa chữa, Bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương -TKV;

Thông báo số /NĐND-KHĐTVT ngày / /2026 về việc thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp;

Căn cứ theo nhu cầu và khả năng của hai bên.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại Trụ sở văn phòng Công ty Nhiệt điện Na Dương– TKV chúng tôi gồm có:

**BÊN A: CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN NA DƯƠNG-TKV**

Đại diện Ông : **Phạm Đức Tuyên**

Chức vụ : Giám đốc

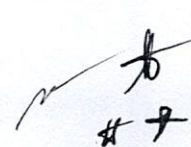
Địa chỉ : Thôn 4, Xã Na Dương, Tỉnh Lạng Sơn

Điện Thoại : 02053.844.263 - Fax: 02053.844.132

Tài khoản : 3510007744

Tại : Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - CN Lạng Sơn.

Mã số thuế : 0104297034-001





**BÊN B:**

Đại diện là Ông: Chức vụ:

Địa chỉ :.

Điện thoại:

Tài khoản:

Mã số thuế: Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

**Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A giao cho bên B thực hiện Gói cung cấp số 01: Thuê ngoài sửa chữa, Bảo dưỡng định kỳ thiết bị PCCC năm 2026 Công ty Nhiệt điện Na Dương -TKV, chi tiết như phụ lục đính kèm.

Hàng hóa thuộc mặt hàng kiểm định Bên B cung cấp có thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp phải được kiểm định dán tem kiểm định PCCC và hồ sơ kiểm định do cơ quan có thẩm quyền cấp.

**Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

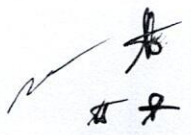
1. Văn bản hợp đồng bao gồm cả phụ lục kèm theo;
2. Biên bản thương thảo hoàn thiện hợp đồng;
3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp.

**Điều 3. Trách nhiệm của các bên.****Trách nhiệm của Bên A**

- Cử cán bộ giám sát và kiểm tra trong suốt quá trình thi công do Bên B thực hiện;
- Bên A được quyền từ chối nghiệm thu khi công việc Bên B thực hiện không đạt yêu cầu quy định của hợp đồng.
- Bên A được quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu Bên B :
  - + Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng.
  - + Chậm tiến độ hoàn thành việc thi công theo hợp đồng.

Trong mỗi trường hợp trên Bên A có thể bằng cách thông báo cho nhà cung cấp trước 2 ngày và chấm dứt hợp đồng. Sau khi chấm dứt hợp đồng hai bên làm biên bản thanh lý.

- Cung cấp các thông tin tài liệu liên quan đến công việc để Bên B thực hiện theo hợp đồng.

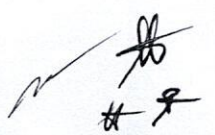




- Bàn giao mặt bằng cho Bên B thực hiện.
- Đình chỉ thi công nếu xét thấy không đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật. An toàn lao động.
- Kiểm tra chất lượng đột xuất công việc của Bên B khi xét thấy một số vấn đề có ảnh hưởng đến công việc thi công.
- Yêu cầu Bên B phải sử dụng thiết bị. Máy móc đạt chuẩn theo pháp luật hiện hành.
- Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại hợp đồng cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định trong hợp đồng.
- Các quyền khác theo quy định pháp luật hiện hành.

### **Trách nhiệm của Bên B**

- Bên B có trách nhiệm cung cấp hàng hóa và dịch vụ bảo dưỡng, kèm theo các tài liệu cần thiết cho Bên A, đúng chất lượng, số lượng, chủng loại, quy cách, nhãn mác hàng hóa. Hàng hóa do Bên B cung cấp phải đảm bảo là hàng mới 100% chưa qua sử dụng.
- Bên B phải đảm bảo cung cấp hàng hóa và dịch vụ bảo dưỡng theo đúng thời gian theo hợp đồng.
- Bên B phải phối hợp cùng với Bên A kiểm tra hàng hóa và lập biên bản bàn giao nghiệm thu hàng hóa
- Bên B có nghĩa vụ trang bị dụng cụ bảo hộ lao động và chi trả phí bảo hiểm tai nạn lao động cho công nhân làm việc theo quy định của pháp luật. Công nhân khi thi công yêu cầu phải thực hiện nghiêm túc về trang bị bảo hộ lao động (quần áo, mũ, dây, ủng...).
- Tự chịu trách nhiệm về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.
- Bồi thường thiệt hại cho Bên A và Bên thứ ba có liên quan do vi phạm của Bên B trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Trong mọi trường hợp Bên B vi phạm phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường, khắc phục cho tất cả vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng của Bên B. Trường hợp Bên B từ chối bồi thường hoặc khắc phục vi phạm không đạt yêu cầu thì Bên A có quyền tự làm hoặc thuê bên thứ ba thực hiện công việc đó chi phí này do Bên B chi trả. Trường hợp Bên B từ chối chi trả những chi phí này. Bên A có quyền thu giữ và thanh lý toàn bộ Vật tư, máy móc thiết bị của Bên B mang vào thi công để bù trừ vào khoản tiền Bên B phải bồi hoàn.





- Giữ bí mật thông tin và toàn bộ tài liệu liên quan đến hợp đồng theo quy định của pháp luật có liên quan đến bảo mật thông tin.

- Thông báo kịp thời cho Bên A về những thông tin tài liệu không đầy đủ phương tiện làm việc không đảm bảo chất lượng có thể làm chậm trễ, cản trở đến công việc....

- Cung cấp nhân sự đạt những điều kiện về Năng lực theo quy định pháp luật.

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng. Bên B phải cam kết giải quyết triệt để mọi rủi ro pháp lý và không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Bên A.

- Bên B cam kết tiến hành công việc theo đúng khối lượng và thời gian trong hợp đồng, tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về công tác thi công trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

- Đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và chịu hoàn toàn trách nhiệm về an toàn đối với con người và thiết bị của bên B.

- Các quyền và trách nhiệm khác theo quy định hiện hành.

#### **Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

##### **4.1. Giá hợp đồng: đồng**

**(Bằng chữ:.....)**

Giá đã bao gồm các khoản thuế phí. Hàng hóa được vận chuyển, bốc xếp và thực hiện dịch vụ tại Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV. Chi tiết phụ lục đính kèm.

4.2. Tạm ứng: Không tạm ứng nhưng Bên B vẫn đảm bảo thời gian và chất lượng công việc thi công theo hợp đồng.

##### **4.3. Phương thức thanh toán:**

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

b) Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho Bên B trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ chứng từ, hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Số lần thanh toán:

Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bên B cung cấp cho bên A các giấy tờ sau:

- Văn bản đề nghị thanh toán của Bên B;

- Biên bản nghiệm thu vật tư trước khi lắp đặt kèm theo:

+ Hoá đơn GTGT của vật tư ( nhà thầu chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với mức thuế suất khi phát hành hóa đơn);



+ Bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của các tài liệu bao gồm (áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu): Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (CO) do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu phát hành, Giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá (CQ)/Chứng chỉ phân tích của hàng hoá (COA) do nhà sản xuất hàng hoá phát hành hoặc các tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng khác có giá trị tương đương (chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm);

+ Bản gốc hoặc bản chứng thực Giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hoá sản xuất trong nước;

+ Bản gốc hoặc bản chứng thực đối với những mặt hàng có yêu cầu kiểm định.

- Đối với phần dịch vụ:

- + Biên bản bàn giao thiết bị từng hệ thống;
- + BBGĐKT B2 từng hệ thống;
- + BBNT chạy thử từng hệ thống;
- + BBNT chạy thử có tải;
- + Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ký bởi đại diện hai bên;
- + Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng ký bởi đại diện hai bên;
- + Nhật ký công trình;
- + Hoá đơn GTGT của phần dịch vụ.

d) Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

**Điều 5. Loại hợp đồng:** Trọn gói

**Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng:** Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

+ Trường hợp vì lý do khách quan, do sự kiện bất khả kháng mà thời gian thực hiện hợp đồng bị kéo dài hơn 60 ngày thì các bên phải xem xét, thống nhất để ký phụ lục gia hạn.

+ Trường hợp vì lý do chủ quan mà bên B chậm quá thời gian thực hiện theo hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng quy định tại Điều 14 của hợp đồng này.

- Địa điểm thực hiện: Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV, Địa chỉ: Thôn 4, Xã Na Dương - Tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: Có phát sinh các vấn đề về thời gian thực hiện hợp đồng, khối lượng hàng hóa, chủng loại hàng hóa hoặc các vấn đề khác liên quan.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục Vật tư ngoài phạm vi hợp đồng Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.



+ Bản gốc hoặc bản sao được chứng thực của các tài liệu bao gồm (áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu): Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hoá (CO) do cơ quan có thẩm quyền của nước xuất khẩu phát hành, Giấy chứng nhận chất lượng hàng hoá (CQ)/Chứng chỉ phân tích của hàng hoá (COA) do nhà sản xuất hàng hoá phát hành hoặc các tài liệu chứng minh xuất xứ, chất lượng khác có giá trị tương đương (chi tiết theo phụ lục 03 đính kèm);

+ Bản gốc hoặc bản chứng thực Giấy chứng nhận xuất xưởng đối với hàng hoá sản xuất trong nước;

+ Bản gốc hoặc bản chứng thực đối với những mặt hàng có yêu cầu kiểm định.

- Đối với phần dịch vụ:

+ Biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng ( bao gồm BBNT công việc, BBNT chạy thử có tải đối với từng thiết bị, BBNT có tải toàn bộ hệ thống)

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành ký bởi đại diện hai bên;

+ Biên bản quyết toán và thanh lý hợp đồng ký bởi đại diện hai bên;

+ Hoá đơn GTGT của phần dịch vụ.

d) Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam.

**Điều 5. Loại hợp đồng:** Trọn gói

**Điều 6. Thời gian thực hiện hợp đồng:** Trong vòng 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

+ Trường hợp vì lý do khách quan, do sự kiện bất khả kháng mà thời gian thực hiện hợp đồng bị kéo dài hơn 60 ngày thì các bên phải xem xét, thống nhất để ký phụ lục gia hạn.

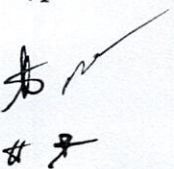
+ Trường hợp vì lý do chủ quan mà bên B chậm quá thời gian thực hiện theo hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng quy định tại Điều 14 của hợp đồng này.

- Địa điểm thực hiện: Công ty Nhiệt điện Na Dương-TKV, Địa chỉ: Thôn 4, Xã Na Dương - Tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 7. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: Có phát sinh các vấn đề về thời gian thực hiện hợp đồng, khối lượng hàng hóa, chủng loại hàng hóa hoặc các vấn đề khác liên quan.

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục Vật tư ngoài phạm vi hợp đồng Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục bổ sung hợp đồng.





## **Điều 8. Chấm dứt hợp đồng**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp dịch vụ khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

## **Điều 9. Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.**

Bên B phải cung cấp bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng thư bảo lãnh của ngân hàng hoặc nộp trực tiếp bằng tiền mặt, hoặc séc bảo chi cho Chủ đầu tư ngay sau khi ký hợp đồng, giá trị bảo lãnh thực hiện hợp đồng tối thiểu bằng 10 % giá trị hợp đồng.

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng

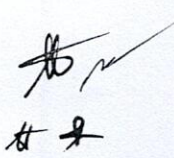
## **Điều 10. Tính hợp lệ của hàng hóa**

Bên B phải cung cấp các tài liệu kèm theo để chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa và phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

## **Điều 11. Điều kiện cung cấp, vận chuyển hàng hóa**

Bên B cung cấp hàng hóa cho Bên A đúng thông số kỹ thuật, phải là hàng mới 100 %, chưa qua sử dụng.

- Các tài liệu kỹ thuật, các chứng từ kèm theo hàng hóa: Tại thời điểm giao nhận hàng hóa thì bên B phải tiến hành cung cấp cùng thời điểm giao hàng (hướng dẫn sử dụng, chỉ dẫn kỹ thuật...).





- Bên A hoặc đại diện của Bên A có quyền kiểm tra hàng hóa được cung cấp để đảm bảo hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng. Sau khi kiểm tra hàng hóa tại thời điểm giao nhận, nếu trường hợp hàng hóa bị khuyết tật, bị lỗi, hoặc không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Bên A có quyền từ chối và Bên B phải có trách nhiệm thay thế hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật. Trường hợp Bên B không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Bên A có quyền tổ chức việc thay thế hay điều chỉnh nếu thấy cần thiết, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Bên B chịu.

## **Điều 12. Bảo hành.**

### **1. Nghĩa vụ bảo hành.**

Bên B có nghĩa vụ bảo hành đối với toàn bộ hàng hoá và dịch vụ cung cấp trong vòng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

### **2. Quyền yêu cầu bảo hành**

- Trong thời gian bảo hành nếu có lỗi của thiết bị Bên A thông báo bằng văn bản hoặc bằng điện thoại cho Bên B, sau 48 giờ khi nhận được văn bản hoặc điện thoại của Bên A thì Bên B cử cán bộ kỹ thuật có mặt đến xác minh thiết bị.

- Trong thời hạn bảo hành, nếu Bên A phát hiện được khuyết tật của các thiết bị thì có quyền yêu cầu bên B sửa chữa mà Bên A không phải trả tiền, mọi chi phí phát sinh do bên B chịu.

### **3. Sửa chữa trong thời hạn bảo hành**

- Bên B phải sửa chữa thiết bị và bảo đảm thiết bị có đủ các tiêu chuẩn chất lượng hoặc có đủ các đặc tính đã cam kết.

- Bên A có quyền yêu cầu Bên B hoàn thành việc sửa chữa trong thời hạn do các bên thỏa thuận hoặc trong một thời gian hợp lý; nếu Bên B không thể sửa chữa được hoặc không thể hoàn thành việc sửa chữa trong thời hạn đó thì Bên A có quyền yêu cầu bên thứ ba sửa chữa mọi chi phí do bên B chịu.

### **4. Bồi thường thiệt hại trong thời hạn bảo hành**

- Ngoài việc yêu cầu thực hiện các biện pháp bảo hành, Bên A có quyền yêu cầu Bên B bồi thường thiệt hại do khuyết tật về kỹ thuật của hàng hóa gây ra trong thời hạn bảo hành.

- Bên B không phải bồi thường thiệt hại nếu chứng minh được thiệt hại xảy ra do lỗi của Bên A. Bên B được giảm mức bồi thường thiệt hại nếu Bên A không áp dụng các biện pháp cần thiết mà khả năng cho phép nhằm ngăn chặn, hạn chế thiệt hại.

## **Điều 13. Bản quyền**



Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba về việc vi phạm bản quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hàng hóa mà Bên B đã cung cấp cho Bên A.

#### **Điều 14. Bồi thường thiệt hại và phạt vi phạm hợp đồng**

a) Nếu một trong hai bên không thực hiện đầy đủ các trách nhiệm của mình ghi trong hợp đồng thì dẫn đến thiệt hại kinh tế cho bên kia thì bên vi phạm phải chịu bồi thường thiệt hại cho bên kia.

b) Các hình thức phạt

- Trường hợp Bên B vi phạm thời gian chậm cấp hàng và lắp đặt thực hiện theo hợp đồng do lỗi chủ quan thì Bên B sẽ chịu phạt 0.5% giá trị phần hợp đồng vi phạm cho mỗi ngày chậm hợp đồng, tổng số tiền phạt vi phạm không vượt 8% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.

- Phạt thanh toán chậm: Không áp dụng.

- Sau khi hợp đồng có hiệu lực nếu một bên vi phạm hợp đồng thì bên tuân thủ hợp đồng có quyền đòi bên vi phạm hợp đồng bồi thường tất cả các tổn thất bao gồm các chi phí như:

- + Chi phí kiện tụng.
- + Chi phí đi lại.
- + Chi phí luật sư.
- + Chi phí giám định.
- + Các chi phí khác (Nếu có).

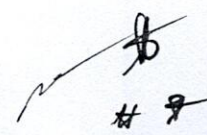
c) Khấu trừ tiền phạt và bồi thường thiệt hại: Khấu trừ vào tiền thanh toán hoặc nộp trực tiếp hoặc chuyển khoản.

d) Thương: Không áp dụng.

#### **Điều 15. Bất khả kháng.**

“Bất khả kháng” là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, chẳng hạn như: Chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch;

Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng. Trong khoảng thời gian không thể thi công công trình do điều kiện bất khả kháng, Nhà Cung cấp hàng hóa theo hướng dẫn của Chủ đầu tư vẫn phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng của mình theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.





Một bên không hoàn thành nhiệm vụ của mình do trường hợp bất khả kháng sẽ không phải bồi thường thiệt hại, bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng. Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại **Điều 16** của hợp đồng này.

#### **Điều 16. Giải quyết tranh chấp**

Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại nơi Bên A lưu trú. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng ràng buộc giữa hai bên. Chi phí xét xử và các chi phí khác liên quan đến việc giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu hoàn toàn.

#### **Điều 17. Hiệu lực hợp đồng**

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày Bên A nhận được bảo lãnh thực hiện hợp đồng của bên B.

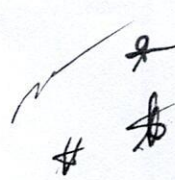
Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng này được lập thành 06 bản, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**GIÁM ĐỐC**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Đức Tuyên**





**PHỤ LỤC 1**

**BẢNG GIÁ TỔNG HỢP SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG PCCC NĂM 2026**  
(Kèm theo Hợp đồng số      / 2026/HĐSXKD-ND ngày      tháng      năm 2026)

| STT | Nội dung         | Giá trị (VND) | Ghi chú |
|-----|------------------|---------------|---------|
| 1   | Dịch vụ sửa chữa |               |         |
| 2   | Hàng hóa         |               |         |
|     | <b>Tổng</b>      |               |         |

(Bằng chữ: ./.)

01-C.T.C.P \* M

